

chức vị". Tam-muội này khi hiện ra, thì trước hết có đại bảo liên hoa bỗng nhiên xuất sinh. Hoa sen ấy to lớn chứa được Tam thiên đại thiên thế giới, dùng các diệu bảo xen lẫn trang nghiêm.

Hỏi: Ngài Diệu Âm đến ra mắt đức Thích-ca, vốn chẳng phải là thọ chức, mà lại dùng nơi đây để giải thích, há chẳng phải lỗi lầm sao?

Đáp: Đây là dùng biểu tượng để nói, bởi Bồ-tát thâm chứng nơi Thật tướng, nhập tri kiến Phật, nhân đã tròn, hạnh đã mãn, đang lúc nhân quả giao hội, nên tự nhiên có đủ lực bất khả tư nghì, hiện ra tác dụng lớn. Do căn cứ về lý đã tương đồng, nên biểu tượng cũng đồng. Do kinh Hoa Nghiêm nói về bậc Thập địa tâm viên mãn, còn ở đây căn cứ vào nhập Phật tri kiến, diệu hạnh đã viên, ý nghĩa thâm hợp. Do nơi kinh này là diệu hạnh vô trụ, chẳng nói tiếm thứ, chỉ đến nơi hiển lý, vốn phải như vậy. Đây lại có gì để nghi.

Chánh văn:

7. Bấy giờ, ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử thấy hoa sen đó bèn bạch cùng Phật rằng: "Thế Tôn! Đây do nhân duyên gì mà hiện điềm tốt này, có ngàn ấy nghìn

vạn hoa sen: vàng diêm phù đàn làm cọng, bạc làm cánh, kim cang làm nhụy, chân thúc ca bảo làm đài?”.

Khi ấy, đức Thích-ca Mâu-ni Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi rằng: “Đó là Diệu Âm Đại Bồ-tát từ cõi nước của đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật muốn cùng tám muôn bốn nghìn Bồ-tát vây quanh mà đến cõi Ta-bà này, để cúng dường gần gũi lễ lạy nơi Ta cùng muốn cúng dường nghe kinh Pháp Hoa”.

Giải thích:

Đây là ngài Văn-thù-sư-lợi thấy hoa sen đến nên hỏi, để hiển bày ý nghĩa của ngài Diệu Âm đến, cho nên Phật đáp.

Kinh Hoa Nghiêm dùng trí lập thể, trong phẩm Nhập Pháp Giới, ngài Thiện Tài lần đầu ra mắt ngài Văn-thù-sư-lợi chỉ bày cho tham vấn các vị thiện tri thức, rồi sau ngài Văn-thù từ xa duỗi tay mặt xoa đánh của Thiện Tài, biểu thị cho trí đã viên mãn không khác với tâm ban đầu.

Kinh Pháp Hoa này cũng lấy trí lập thể, nên ban đầu đức Phật phóng hào quang là để hiển bày cảnh Thật tướng, nhân nơi ngài Văn-thù phát khởi. Thế nên, hôm nay nhập Phật tri kiến. Ngài Diệu

HT. Thích Trí Tịnh

Âm đến làm chứng, lại nhân nơi ngài Văn-thù mà phát huy. Hai kinh chỉ thú đã đồng cho nên dùng các biểu tượng cũng đồng.

Chánh văn:

8. Ngài Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Vị Bồ-tát đó trông cội lành gì, tu công đức gì mà có đặng sức đại thần thông như thế? Tu Tam-muội gì? Mong Phật vì chúng con nói danh tự của Tam-muội đó. Chúng con cũng muốn siêng tu hành đó. Tu hành môn Tam-muội này mới thấy được sắc tướng lớn nhỏ oai nghi tấn chỉ của vị Bồ-tát đó. Cúi mong đức Thế Tôn dùng sức thần thông khi vị Bồ-tát đó đến khiến chúng con đặng thấy”.

Giảng giải:

Đây là ngài Văn-thù-sư-lợi vì cơ duyên mà khởi phát lời hỏi, như văn có thể biết.

Chánh văn:

9. Lúc ấy, đức Thích-ca Mâu-ni Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi: “Đức Đa Bảo Như Lai đã diệt độ từ lâu đây, sẽ vì các ông mà hiện bày thân tướng của Bồ-tát đó”.

Tức thời, đức Đa Bảo Phật bảo Bồ-tát đó rằng: “Thiện nam tử đến đây! Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử muốn thấy thân của ông”.

Giải thích:

Đây là đức Đa Bảo triệu ngài Diệu Âm.

Ngài Diệu Âm vốn muốn thân cận đức Thích-ca và ra mắt ngài Văn-thù-sư-lợi cùng để nghe kinh Pháp Hoa, mà lại chờ đức Đa Bảo triệu kiến, để thấy đó là chánh hiển bày Đẳng giác nhập diệu, tức phải nhờ Pháp thân đến tiếp, chẳng phải nơi đầu cửa Ứng hóa thân.

Sau khi Phật Đa Bảo triệu ngài Diệu Âm, vẫn còn trụ trong hư không. Từ đây đến cuối pháp hội không nói gì nữa, vì người trì kinh đã diệu kế với Pháp thân²⁴, đã đồng với bản thể, trọn không có hai tướng. Do lìa nơi nghiệp thức, Pháp thân không bị bĩ thử, tương thông với nhau, cho nên khi *ngộ Phật tri kiến* thì còn thấy, nhưng khi *nhập Phật tri kiến* thì không thấy nữa²⁵.

Chánh văn:

10. Bấy giờ, ngài Diệu Âm Bồ-tát nơi cõi nước kia

²⁴ Câu “vì người trì kinh đã diệu kế với Pháp thân” là giải thích lý do Phật Đa Bảo vẫn trụ mà không nói lời nào nữa.

²⁵ Đoạn này nói việc của Pháp thân. Đức Đa Bảo là biểu tượng cho Pháp thân, nên Ngài mới triệu ngài Diệu Âm đến.

HT. Thích Trí Tịnh

ấn mặt, cùng với tám muôn bốn nghìn Bồ-tát đồng nhau qua cõi Ta-bà, ở các nước trải qua, sáu điệu vang động, thấy đều rưới hoa sen bằng bảy báu, trăm nghìn nhạc trời chẳng trở tự kêu.

Giảng giải:

Đây là nghi thức ngài Diệu Âm đến “*cùng với tám muôn bốn nghìn Bồ-tát*”, ý muốn hiển bày trước do trì kinh diệu hạnh mà nhập Phật tri kiến, tập hợp 84.000 phiền não mà trở thành thần thông diệu dụng. Diệu hạnh chỗ trải qua liền phá vô minh, nên “*ở các nước trải qua, sáu điệu vang động*”. Phạm có hành động gì thì điều ấy đều là chân nhân, nên khắp nơi “*thấy đều rưới hoa sen bằng bảy báu*”. Vì pháp âm tự nhiên, cho nên “*nhạc trời chẳng trở tự kêu*”. Điều này đều nương nơi công hạnh để hiển bày đức, nên diễm lành ứng hiện như thế.

Chánh văn:

11. Mắt của vị Bồ-tát đó như cánh hoa sen xanh rộng lớn. Giả sử hòa hợp trăm nghìn muôn mặt trắng, diện mạo của Ngài tốt đẹp lại hơn nơi đây, thân sắc vàng ròng vô lượng trăm nghìn công đức trang nghiêm, oai

đức rất thanh, ánh sáng chói rực, các tướng đầy đủ như thân Na-la-diên bền chắc.

Ngài vào trong đài Thất bảo bay lên hư không cách đất bằng bảy cây Đa-la. Các chúng Bồ-tát cung kính vây quanh mà đồng đến núi Kỳ-xà Quật ở cõi Ta-bà này, đến rồi xuống đài Thất bảo, dùng chuỗi ngọc giá trị trăm nghìn, đem đến chỗ Thích-ca Mâu-ni Phật, đầu mặt lễ chân Phật dâng chuỗi ngọc lên.

Giảng giải:

Đoạn này nói về nghi thức ngài Diệu Âm đã đến.

Nói “*mắt của vị Bồ-tát đó như cánh hoa sen xanh rộng lớn*” là trình bày thân tướng của ngài Diệu Âm, còn nói 42.000 Do-tuần đó là phần tướng hảo. Nói “*Ngài vào trong đài Thất bảo*” là đài trong hoa sen. Nói “*bay lên hư không*” là tiêu biểu bay lên Pháp tánh không. Nói “*dùng chuỗi ngọc giá trị trăm nghìn, đem đến chỗ Thích-ca Mâu-ni Phật, đầu mặt lễ chân Phật dâng chuỗi ngọc lên*” tiêu biểu cho dùng diệu hạnh để trang nghiêm Pháp thân.

Chánh văn:

12. Mà bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật hỏi thăm đức Thế Tôn ít bệnh, ít khổ, đi đứng thơi thới, sở hành an vui chẳng? Bốn đại điều hòa chẳng? Việc đời nhần được chẳng? Chúng sinh dễ độ chẳng? Không có người nhiều tham dục, giận hờn, ngu si, ganh ghét, bòn xén, kiêu mạn chẳng? Không kẻ chẳng thảo cha mẹ, chẳng kính Sa-môn, tà kiến tâm chẳng lành, chẳng nhiếp năm tình chẳng?”.

“Thế Tôn! Chúng sinh hàng phục được các ma oán chẳng? Đức Đa Bảo Như Lai diệt độ từ lâu ở trong tháp bảy báu có đến nghe pháp chẳng? Lại hỏi thăm Đức Đa Bảo Như Lai: an ổn, ít khổ, kham nhẫn ở lâu đặng chẳng?”.

Giải thích:

Đây là lời của ngài Diệu Âm kính trọng đức Bốn sư (đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí) của mình để thưa hỏi đức Thích-ca. Việc ngài Diệu Âm thăm hỏi đều là những việc khó kham nhẫn ở cõi Ta-bà. Đức Thích-ca hiện thân cùng với dân chúng đồng hoạn nạn, nên mới thưa hỏi như đây, còn lời thăm hỏi đức Phật Đa Bảo cũng đem việc ít nào làm ngôn từ. Do đó, đủ thấy cõi Ta-bà là chốn chẳng phải dễ vào vậy.

Chánh văn:

13. “Thế Tôn! Nay con muốn thấy thân đức Đa Bảo Phật, cúi mong Thế Tôn chỉ bày cho con được thấy”.

Lúc đó, đức Thích-ca Mâu-ni Phật nói với Phật Đa Bảo rằng: “Ông Diệu Âm Bồ-tát này muốn đặng ra mắt Phật”.

Đức Đa Bảo Phật liền nói với Diệu Âm Bồ-tát rằng: “Hay thay! Hay thay! Ông có thể vì cúng dường đức Thích-ca Mâu-ni Phật và nghe kinh Pháp Hoa cùng ra mắt Văn-thù-sư-lợi v.v... nên qua đến cõi này”.

Giảng giải:

Đây là ngài Diệu Âm ra mắt hai đức Thế Tôn, chính là biểu tượng cho Thủy giác kế hợp với Bản giác. Câu: “*Nghe kinh Pháp Hoa cùng ra mắt Văn-thù-sư-lợi v.v...*” là biểu tượng nhập Phật tri kiến, hai trí kế hội. Phật Đa Bảo là Pháp thân, đức Thích-ca là Ứng, Hóa thân, nay đều thấy đủ, ý nghĩa là đã hiển bày Bản giác thì ba thân đồng một thể, không hai, không phân chia.

Chánh văn:

14. Lúc bấy giờ, ngài Hoa Đức Bồ-tát Bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Ngài Diệu Âm Bồ-tát trông cội lành gì, tu công đức gì, mà có sức thần thông như thế?”.

Giảng giải:

HT. Thích Trí Tịnh

Đây là hỏi bản nhân của ngài Diêu Âm, do ngài Hoa Đức hỏi. Hoa là biểu thị cho căn bản của diêu hạnh, ý hiển bày sức thần thông Tam-muội của ngài Diêu Âm, đều nương nơi diêu hạnh mà thành tựu, cho nên mượn đó để thưa hỏi.

Chánh văn:

15. Đức Phật bảo ngài Hoa Đức Bồ-tát: “Thuở quá khứ có Phật hiệu Vân Lô Âm Vương Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, cõi nước tên là Hiện Nhất Thiết Thế Gian, kiếp tên là Hỷ Kiến. Diêu Âm Bồ-tát ở trong một vạn hai nghìn năm, dùng mười muôn thứ kỹ nhạc cúng dường đức Vân Lô Âm Vương Phật cùng dâng lên tám muôn bốn ngàn cái bát bửu báu. Do nhân duyên quả báo đó nay sinh tại nước của đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật, có sức thần như thế”.

Giải thích:

Lời đáp đây là trình bày bản nhân của ngài Diêu Âm. Ngài vốn thờ đức Phật Vân Lô Âm Vương. Bởi mây dày muốn mưa thấm nhuần quần sinh, trước hết phải có tiếng sấm cảnh tỉnh trước, ứng cơ tự tại, nên gọi là Vân Lô Âm Vương. Đây là danh hiệu từ Pháp thân mà hiện Ứng thân. Ngài Diêu Âm thờ thầy đó có căn do: vì tất cả thế giới

chẳng rời Pháp giới chân tế, nên cõi nước tên là Hiện Nhất Thiết Thế Gian. Đây thời là chỗ nương tựa của cõi chân thật. Do chúng sinh có cầu, tùy cảm ứng mà hiện nên gọi là Hỷ Kiến, là vừa với ứng duyên giáo hóa thích hợp căn cơ. Nói “*một vạn hai nghìn năm*” là biểu tượng căn và trần đối đãi nhau. “*Mười muôn*” là số lớn của trăm ngàn. “*Kỹ nhạc*” là tiêu biểu cho công hạnh vi diệu đưa đến niềm vui. “*Tám muôn bốn ngàn*” là số trần lao phiền não và pháp môn giải thoát đối đãi nhau. Còn “*Bát*” gọi là Ứng lượng khí, tiêu biểu cho pháp ứng cơ, ứng lượng. Do vì Bồ-tát này thuở xưa ở nơi đầu ngỏ căn trần, đã dùng trăm ngàn vi tế diệu hạnh để rộng hóa độ chúng sinh, có thể chuyển trần lao là pháp môn, có thể vì chúng sinh mà biết căn cơ, khắp tùy thời giáo hóa. Do nhân thuở xưa đầy đủ diệu hạnh như đây, cho nên nay cảm quả được gọi là Diệu Âm, do đó mà có các việc thần thông Tam-muội như vậy. Đây là từ nơi nhập Phật tri kiến mà chứng đắc, nên nói rằng “*có sức thần như thế*”.

Chánh văn:

16. Hoa Đức! Ý Ông nghĩ sao? Thuở đó, nơi chỗ đức Vân Lô Âm Vương Phật, Diệu Âm Bồ-tát cúng dường kỹ

HT. Thích Trí Tịnh

nhạc cùng dâng bát báu lên đó, đâu phải người nào lạ, chính nay là Diệu Âm Đại Bồ-tát đây.

Hoa Đức! Diệu Âm Bồ-tát này đã từng cúng dường gần gũi vô lượng các đức Phật, từ lâu trông cội công đức, lại gặp Hằng hà sa trăm nghìn muôn ức Na-do-tha đức Phật.

Giảng giải:

Đây là nói rõ nhân xưa để chứng minh cho duyên nay, nên nói rằng người “*cúng dường kỹ nhạc cùng dâng bát báu lên đó, đâu phải người nào lạ, chính nay là Diệu Âm Đại Bồ-tát đây*”. Do ngài Diệu Âm Bồ-tát cúng Phật đã nhiều, trông cội công đức đã sâu, nên cảm quả báo có sức thần thông như thế.

Chánh văn:

17. Hoa Đức! Ông chỉ thấy Diệu Âm Bồ-tát thân hình ở tại đây, mà Bồ-tát đó hiện các thứ thân hình, nơi nơi vì hàng chúng sinh nói kinh điển này.

Giảng giải:

Sắp sửa nói việc ứng hóa của ngài Diệu Âm để thấy thần lực quảng đại. Thân Ngài ở đây mà hóa hiện các loại thân hình ở khắp mọi nơi, vì

chúng sinh mà nói kinh điển này. Vì ngài Diệu Âm nhân từ nơi diệu pháp nhập Phật tri kiến, do phá hai loại chấp thủ mà trừ được hai chướng, đã chứng được bình đẳng chân như. Nay từ nơi Chân như Tam-muội khởi lên, nhập vào bậc Cửu địa nhân đến bậc Đẳng giác, ở vào địa vị Pháp sư, rồi dùng sức Tam-muội hiện thân ở mười phương thế giới, cho nên trước hết nêu tổng tướng.

Chánh văn:

18. Hoặc hiện thân Phạm Vương, hoặc hiện thân Đế Thích, hoặc hiện thân Tự Tại Thiên, hoặc hiện thân Đại Tự Tại Thiên, hoặc hiện thân Thiên đại tướng quân, hoặc hiện thân Tỳ-sa-môn Thiên vương, hoặc hiện thân Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc hiện thân các Tiểu vương, hoặc hiện thân Trưởng giả, hoặc hiện Cư sĩ, hoặc hiện Tế quan, hoặc hiện thân Bà-la-môn, hoặc hiện thân Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc hiện thân phụ nữ của Tế quan, hoặc hiện thân phụ nữ của Bà-la-môn, hoặc hiện thân đồng nam đồng nữ, hoặc hiện thân Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, nhân cùng phi nhân v.v.. mà nói kinh này.

Bao nhiêu địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và các chỗ

HT. Thích Trí Tịnh

nạn đều có thể cứu giúp, nhấn đến trong hậu cung của vua biến làm thân người nữ mà nói kinh này.

Giải thích:

Đây là nói hiện thân trong mười thế giới, theo sự hiện thân ấy mà thuyết pháp. Trước nêu tướng của Phạm Vương nhấn đến Tam đồ, Lục thú trong thiện đạo, có thể nghe pháp, nên gọi là “*mà nói kinh này*”. Đến trong Tam đồ chẳng có thể nghe pháp chỉ có thể cứu giúp cái khổ của họ mà thôi.

Chánh văn:

19. Hoa Đức! Diệu Âm Bồ-tát này hay cứu hộ các chúng sinh trong cõi Ta-bà, Diệu Âm Bồ-tát này biến hóa hiện các thứ thân hình như thế ở tại cõi Ta-bà này vì chúng sinh mà nói kinh Pháp Hoa, ở nơi trí huệ thần thông biến hóa không hề tổn giảm. Vị Bồ-tát này dùng ngàn ấy trí huệ sáng soi cõi Ta-bà, khiến tất cả chúng sinh đều đặng hiểu biết, ở trong Hằng hà sa cõi nước trong mười phương cũng lại như thế.

Giải thích:

Đây là lập lại thần lực ở trên rộng hiển bày diệu dụng vậy. Nói có thể hiện thân trong Lục thú,

các thần thông biến hóa như vậy mà ở nơi trí huệ không giảm, như đem một ngọn đèn mỗi cho trăm ngàn ngọn đèn khác, đèn cũ vẫn như xưa. Đó gọi là “*đã vì người mình lại có thêm, đã cho người mình lại càng nhiều thêm*”.

Nói “*dùng ngần ấy trí huệ sáng soi cõi Ta-bà*” nghĩa là dùng nhập Phật trí huệ. Các loại Tam-muội có thể vào tâm tưởng của tất cả chúng sinh, cho nên nói rằng “*khiến tất cả chúng sinh đều đặng hiểu biết*”. Còn nói “*ở trong Hằng hà sa cõi nước trong mười phương cũng lại như thế*” là nói không riêng cõi Ta-bà, mà có thể phân thân trong vô lượng thế giới. Đây là phát khởi, đoạn dưới cũng hiện thân Tứ Thánh.

Chánh văn:

20. Nếu chúng sinh đáng dùng thân hình Thanh văn đặng độ thoát, liền hiện thân hình Thanh văn mà vì đó nói pháp.

Đáng dùng thân hình Duyên giác đặng độ thoát, liền hiện thân hình Duyên giác mà vì nói pháp.

Đáng dùng thân hình Bồ-tát đặng độ thoát, liền hiện thân hình Bồ-tát mà vì đó nói pháp.

HT. Thích Trí Tịnh

Đáng dùng thân hình Phật đặng độ thoát, liền hiện thân hình Phật mà vì đó nói pháp.

Theo chỗ đáng độ mà vì chúng hiện các thứ thân hình như thế, hẳn đến đáng dùng diệt độ mà đặng độ thoát liền thị hiện diệt độ.

Hoa Đức! Diệu Âm Đại Bồ-tát trọn nên sức đại thân thông trí huệ, việc đó như thế.

Giảng giải:

Đây là hiện thân Tứ Thánh mà thuyết pháp. Do hiện thân tùy loại thuyết pháp như vậy, tuy là sức thân thông Tam-muội, mà kỳ thật do sức nhập Phật tri kiến mà được như vậy.

Chánh văn:

21. Lúc ấy, ngài Hoa Đức Bồ-tát bạch cùng Phật rằng: “Thế Tôn! Ngài Diệu Âm Bồ-tát sâu trồng căn lành. Thế Tôn! Bồ-tát đó trụ Tam-muội gì mà có thể ở các nơi biến hiện thân hình độ thoát chúng sinh như thế?”

Phật bảo ngài Hoa Đức Bồ-tát: “Thiện nam tử! Tam-muội đó tên là “Hiện nhất thiết sắc thân”.

“Diệu Âm Bồ-tát trụ trong Tam-muội đó có thể nhiều ích vô lượng chúng sinh như thế”.

Giải đáp:

Đây là hỏi ngài Diệu Âm “trụ Tam-muội gì mà có thể ở các nơi biến hiện thân hình độ thoát chúng sinh như thế?”. Đức Phật đáp “Tam-muội đó tên là Hiện nhất thiết sắc thân”. Đây chính là “Giác pháp tự tánh, tánh ý sinh thân”. Kinh Lăng-già nói: “Thế nào là Giác pháp tự tánh, tánh ý sinh thân? Nghĩa là Đệ bát địa”. Từ đó, quan sát hiểu rõ các pháp như huyễn, đều là vô sở hữu, do vậy thân tâm chuyển biến mà đặc Như huyễn Tam-muội và các môn Tam-muội, vô lượng tướng lực tự tại minh (hiển phát sáng vô ngại, vì kèm trí trong đó, nên gọi là minh). Như diệu hoa trang nghiêm mau chóng, như tư tưởng ý nghĩ (như hoa đẹp nở ra để trang nghiêm, hay người có thần thông, tùy muốn đến đâu thì liền đến đó như ý muốn). Đây là dụ cho Giác pháp tự tánh, tánh ý sinh thân đều như huyễn, mộng; trăng dưới nước như ảnh hiện trong gương, chẳng phải năng tạo hay sở tạo, mà như có năng tạo sở tạo. Tất cả sắc thân các loại chi phần đầy đủ trang nghiêm, tùy vào tất cả cõi Phật, tất cả chúng hội, vì thông đạt tự tánh các pháp. Đây gọi là “Giác pháp tự tánh, tánh ý sinh thân” (diệu dụng thần thông).

Giải thích rằng: ở nơi Bát địa Bồ-tát chứng được Nhất tâm Chân như, tiến lên bậc Cửu địa, phát ra dụng chân như, đắc Như huyễn Tam-muội. Ở nơi nhất tâm mà chuyển biến có thể hiện vô lượng thân thông tự tại, đồng thời đều phát khởi như hoa nở xòe (như hiện thân ở cõi này thì trong mười phương đều có thể hiện thân được hết). Thí dụ như ý nghĩ đến đâu đất đá tường vách không ngăn chặn được, cho nên gọi là “*mau chóng như ý nghĩ*”. Tiến đến địa vị thứ mười, tùy điều mình nhớ nghĩ mà giáo hóa các chúng sinh, nên gọi là “*tùy ý vào tất cả cõi Phật và chúng hội*” do Bồ-tát ấy tu hành đắc Tự giác Thánh trí. Ở đây chính là nhập Phật tri kiến, đoạn được mê lầm chứng được chân lý, tự nhiên có được tác dụng bất khả tư nghì. Hiện thể tương đương, không do địa vị mà hạn cuộc được. Nếu chẳng dùng hạnh mà thành đức thì chỉ gọi là lưu thông mà thôi. Vậy thì Diệu Âm, Quán Âm lại tầm thường, còn nhập Phật tri kiến cũng vô ích.

Chánh văn:

22. Lúc nói Phẩm “Diệu Âm Bồ-tát” này, những Bồ-tát cùng đi chung với Diệu Âm Bồ-tát tám muôn bốn nghìn người đều đặng: “Hiện nhất thiết sắc thân Tam-

muội". Vô lượng Bồ-tát trong cõi Ta-bà này cũng đặng Tam-muội đó và Đà-la-ni.

Giảng giải:

Đoạn này nói đi theo pháp được lợi ích vi diệu, cho nên người nghe đều cùng đoạn hoặc chứng chân vậy.

Chánh văn:

23. Khi ngài Diệu Âm Đại Bồ-tát cúng dường đức Thích-ca Mâu-ni Phật và tháp của Đa Bảo Phật xong rồi, trở về bốn độ, các nước trải qua đều sáu diệu vang động, rưới hóa sen báu trời trăm nghìn muôn ức các thứ kỹ nhạc, đã đến bốn quốc cùng tám muôn bốn nghìn Bồ-tát vây quanh đến chỗ đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật mà bạch rằng: "Thế Tôn! Con đến cõi Ta-bà lợi ích chúng sinh, ra mắt đức Thích-ca Mâu-ni Phật và ra mắt tháp đức Đa Bảo Phật lễ lạy cúng dường, lại ra mắt Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử Bồ-tát, Dược Vương Bồ-tát, Đắc Cẩn Tinh Tấn Lực Bồ-tát, Dũng Thí Bồ-tát, cũng làm cho tám muôn bốn nghìn vị Bồ-tát này đặng "Hiện nhất thiết sắc thân Tam-muội".

Lúc nói Phẩm "Diệu Âm Bồ-tát Lai Vãng" này, bốn muôn hai nghìn vị Thiên tử đặng Vô sinh pháp nhẫn. Hoa Đức Bồ-tát đặng Pháp Hoa Tam-muội.

HT. Thích Trí Tịnh

Giảng giải:

Đoạn này nói ngài Diệu Âm Bồ-tát trở về bốn quốc phục vụ thầy mình.

Nhiếp dụng quy thể nên gọi là về bốn quốc, vì chưa vào bậc Diệu Giác còn ở nơi nhân vị. Xuất nhập Tam-muội nên còn có tướng qua lại. Sự vắng lai đều nhờ vô tác diệu lực, thành tựu diệu hạnh nên mưa hoa sen báu và các thứ kỹ nhạc. Vì đồng hạnh và đồng chứng, nên khiến cho các thân hữu 84.000 người đều đắc "*Hiện nhất thiết sắc thân Tam-muội*". Bốn muôn hai nghìn vị Thiên tử nhân nghe pháp mà đắc "*Vô sinh pháp nhẫn*". Ngài Hoa Đức Bồ-tát sau khi phát khởi lời hỏi lại đắc được "*Pháp Hoa Tam-muội*", cũng dùng thật hạnh mà chứng nhập vậy.

*

HAI MƯƠI LĂM

Phẩm Quan Thế Âm Bồ-tát phổ môn

Ý có phẩm này là dùng Pháp Hoa Tam-muội để nhập Phật tri kiến. Bốn giác nhân viên, diệu nhập Phật trí, ngược dòng sinh tử mà ra, hiện thân mười giới (từ Phật giới đến địa ngục giới), Tứ Thánh Lục phàm tự nhiên mà ứng hiện, chỗ gọi là Thánh chủng loại thân đồng thời đều hiện, nên có hiện tượng các loại thân cùng sinh ra vô hành tác ý sinh thân, để hiển cực trí diệu pháp Tam-muội,

nên mới có phẩm này. Do vì dứt nơi căn bản sinh tướng vô minh (Luận Khởi Tín chia vô minh có bốn tướng: sinh, trụ, dị, diệt; tướng diệt thì thô, dị... đến tướng sinh thì vi tế), Đại viên cảnh trí và Bình đẳng tánh trí hiển hiện, nên mượn đức Quán Thế Âm Bồ-tát phổ môn thị hiện để phát minh đó.

Quán Thế Âm đại sĩ ban đầu lấy cái nghe như huyễn để nghe, tu Kim Cang Tam-muội lực, cho nên sinh diệt đã diệt thì tịch diệt hiện tiền, bỗng nhiên siêu việt thế gian và xuất thế gian, liền được: trên thì cùng với mười phương chư Phật đồng một từ lực, dưới thì cùng Lục đạo chúng sinh chung một bi ngưỡng. Do vậy, có thể lấy một thân khắp ứng tất cả, không gì chẳng cảm ứng.

Diệu hạnh viên mãn Pháp Hoa Tam-muội này thành công diệu cực nơi đây. Cho nên, từ phẩm Dược Vương đến phẩm này, gồm ba phẩm tương đương với ba loại ý sinh thân để chứng hạnh thành đức vậy. Nếu phán cho phần này thuộc về Lưu thông thì phần trước của kinh chỉ có Tín Giải mà không có Hành chứng, cái giải đó thuộc về Không giải. Hàng Bồ-tát mới được thọ ký, tương lai không trải qua phụng thờ nhiều đức Phật, thì

HT. Thích Trí Tịnh

lấy gì để bước lên quả Phật? Ý của Phật rõ ràng, quán sát sâu xa có thể thấy. Ý cho rằng điều hạnh dù đầy đủ, nhưng e rằng người tu bị các tập khí còn sót lại chưa hết, nên lại nói ba loại gia trì mới có thể khắc thành diệu quả. Cho nên, ba phẩm kế sau làm chung kết cho bộ kinh này.

Chánh văn:

1. Lúc bảy giờ, ngài Vô Tận Ý Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy trịch áo bày vai hữu, chắp tay hướng Phật mà bạch rằng: “Thế Tôn! Ngài Quán Thế Âm Bồ-tát do nhân duyên gì mà tên là Quán Thế Âm?”.

Giảng giải:

Đây là hiển bày Pháp Hoa Tam-muội, nhập Phật tri kiến, diệu chứng cực quả, nên lấy ngài Quán Thế Âm phổ môn thị hiện để chứng minh. Do ngài Vô Tận Ý thưa hỏi tức là Như Lai tạng khi bị mê làm thành A-lại-da thức, tác dụng của nó ở nơi Ngũ ý, cho nên có nơi bất tư nghì nghiệp lực. Nay chuyển thức thành trí, thì năm ý thức đều thành thân lực diệu dụng không thể nghĩ bàn. Quán Âm phổ môn y nơi đây mà hiện, cho nên nhân ngài Vô Tận Ý phát khởi, chỉ hỏi về ngài

Quán Thế Âm là muốn do tên mà nêu thực chất. Cho nên, đức Thế Tôn đáp vì sự thật vậy.

Chánh văn:

2. Phật bảo ngài Vô Tận Ý Bồ-tát: “Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sinh chịu các khổ não, nghe Quán Thế Âm Bồ-tát này một lòng xưng danh. Quán Thế Âm Bồ-tát tức thời xem xét tiếng tăm kia, đều đặng giải thoát”.

Giải thích:

Đây là đáp về lý do ngài Quán Thế Âm có tên như vậy, từ nơi âm thanh mà nói là xem đó. Kinh Lăng-nghiêm nói: “*Do Ta chẳng tự quán âm, dùng khả năng xem xét để xem xét người xem xét (dùng trí quán, quán lại coi Quán Âm đó là ai?), khiến cho chúng sinh khổ não trong mười phương nếu quán sát âm thanh của họ liền được giải thoát*”, nên tên của ngài Quán Thế Âm đi khắp mười phương cõi. Đây là do Nhĩ căn như huyễn, văn huân văn tu (huân tập cái nghe và tu cái nghe) mà đắc Kim Cang Tam-muội, do sức quán chiếu mà được Nhĩ căn viên thông.

Nói chẳng tự quán âm thanh để quán người

HT. Thích Trí Tịnh

quán, nghĩa là xoay lại xem xét tánh nghe, chẳng do tiền trần mà khởi ra tri kiến, nên thanh trần đã diệt thì vẫn tánh viên thông. Vì từ âm thanh mà thể nhập nên có tên là Quán Âm. Trong kinh Lăng-nghiêm nói *“do nhĩ căn quán chiếu được tên”*. Kinh Pháp Hoa nay nói *“vô lượng khổ não của chúng sinh, nhất tâm xưng danh hiệu Bồ-tát, Ngài quán sát âm thanh của họ đều được giải thoát, đó là về nơi cơ duyên mà có tên vậy”*.

Vì Bồ-tát cùng với Lục đạo chúng sinh chung một bi ngưỡng. Đây là từ nơi quán tự tánh viên thông nên cùng với tất cả chúng sinh Lục đạo tánh đều bình đẳng, đó là chúng sinh trong tâm của Bồ-tát, cho nên khổ của chúng sinh tức là nỗi khổ của Bồ-tát. Nếu tiếng khổ não của chúng sinh được cảm nhận, thì Bồ-tát xem xét tiếng tịch diệt, liền nhập vào Pháp tánh, thần lực xuất sinh hộ trì, thì khổ của chúng sinh chẳng hện thoát mà tự thoát vậy. Đây là tự tha gồm phát minh cả hai năng lực trí và bi.

Đây là tổng nêu tên để trình bày đức dụng. Dưới đây giải thích chi tiết hơn.

Chánh văn:

3. Nếu có người trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát này, dù vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy đặng, vì do sức oai thần của Bồ-tát này đặng như vậy.

Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu Bồ-tát này liền đặng chỗ cạn.

Nếu có trăm nghìn muôn ức chúng sinh vì tìm vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu các thứ báu, nên vào trong biển lớn, giả sử gió lớn thổi ghe thuyền của kia trôi tấp nơi nước quý La-sát, trong ấy nếu có nhận đến một người xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, thời các người đó đều đặng thoát khỏi nạn quý La-sát. Do nhân duyên đó mà tên là Quán Thế Âm.

Giải thích:

Đây là hiển bày đức dụng của ngài Quán Thế Âm, tức là mười bốn sự vô úy (không sợ hãi). Kinh Lăng-nghiêm nói rõ rằng: *“Tri kiến xoay lại quán, khiến cho chúng sinh dù vào trong lửa lớn, lửa chẳng có thể cháy đặng. Quán thính (nghe) xoay trở lại bên trong, khiến cho chúng sinh trôi dạt vào trong nước lớn, chẳng có thể chìm đặng”*.

HT. Thích Trí Tịnh

Bởi tri kiến thuộc hỏa, quan thính thuộc thủy. Do Bồ-tát thấy nghe đều dứt, căn trần đều tiêu, nên gia bị cho chúng sinh nước và lửa không thể làm hại được.

Nhờ đoạn trừ vọng tưởng, tâm không có sát hại, khiến cho các chúng sinh vào trong nước quý, do sức quán chiếu gia hộ cho người ấy, nên quý chẳng có thể làm hại được.

Chánh văn:

4. Nếu lại có người sắp sẽ bị hại, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, thời dao gậy của người cầm liền gãy từng khúc, người ấy đặng thoát khỏi.

Giải thích:

Đây là do vì Bồ-tát không vướng vào hình ảnh âm thanh, không còn có trần có thể đối đãi, thì trọn không có cái gì có thể xúc chạm, nên dao gậy không làm hại được.

Chánh văn:

5. Nếu quý Dạ-xoa cùng La-sát đầy trong cõi Tam thiên đại thiên muốn đến hại người, nghe người xưng hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, thời các quý dữ đó còn không thể dùng mắt dữ mà nhìn người, huống lại làm hại đặng.

Giải thích:

Đây là thoát khỏi nạn quỷ La-sát. Quỷ La-sát lấy u ám làm tánh, bởi văn huân tinh minh (khả năng nghe tinh thuần sáng suốt), nên huệ tánh phát ra ánh sáng, thì các tướng tối u ám trọn không thể làm mờ tối được. Thế nên, La-sát chẳng dám dùng mắt dữ mà nhìn.

Chánh văn:

6. Dù lại có người hoặc có tội, hoặc không tội, gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, thấy đều đứt rã, liền đặng thoát khỏi.

Giải thích:

Đây là do ám tánh dứt sạch, quán trở lại cái nghe, lìa xa được các trần lụy, cho nên gông cùm xiềng xích thấy đều đứt rã.

Chánh văn:

7. Nếu kẻ oán tặc đầy trong cõi Tam thiên đại thiên, có một vị thương chủ dắt các người buôn đem theo nhiều cửa báu, trải qua nơi đường hiểm trở, trong đó có một người xưng rằng: "Các thiện nam tử! Chớ nên sợ sệt, các ông nên phải một lòng xưng danh hiệu

HT. Thích Trí Tịnh

Quán Thế Âm Bồ-tát, vị Bồ-tát đó hay đem pháp vô úy thí cho chúng sinh, các ông nếu xưng danh hiệu thời sẽ đặng thoát khỏi oán tặc này”.

Các người buồn nghe rồi, đều lên tiếng xưng rằng: “Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát!”, vì xưng danh hiệu Bồ-tát nên liền đặng thoát khỏi.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát sức oai thần cao lớn như thế.

Giảng giải:

Đây là do diệt tướng âm thanh, tánh nghe viên mãn, khắp sinh sức từ, cho nên có thể khiến cho chúng sinh xa lìa được các oán tặc, vì cướp giết sinh ra từ nơi đối địch. Nay âm thanh đã dứt sạch, tánh nghe viên thông, trần cảnh không còn đối đãi nhau nữa, thế nên oán tặc không thể cướp đoạt được.

Ở trên là nói về thoát nạn bên ngoài. Còn từ đây về sau là nói thoát nạn bên trong.

Chánh văn:

8. Nếu có chúng sinh nào nhiều lòng dâm dục, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, liền đặng ly dục.

Giải thích:

Đây là do huân văn ly trần, sắc (tánh nghe không vướng đối tượng), không làm hại được nên có thể khiến cho ly dục. Tham dục do duyên nơi trần mới sinh ra ái thủ, nay không vướng trần cảnh nên không nắm bắt, cho nên dục cũng xa lìa.

Chánh văn:

9. Nếu người nhiều giận hờn, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, liền đặng lìa lòng giận.

Giải thích:

Đây là do thuần âm thanh mà không có trần cảnh. Chủ thể và đối tượng viên dung, không trái nghịch nhau, cho nên hay lìa được lòng giận.

Chánh văn:

10. Nếu người nhiều ngu si, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, liền đặng lìa ngu si.

Giải thích:

Đây là do tiêu trần (triệt tiêu đối tượng nghe), xoay lại quán chiếu sức gia bị sáng soi vô ngại, nên lìa được si ám. Do vậy, ngu si ám

HT. Thích Trí Tịnh

chương phát ra từ nơi hôn ám, nay đã chiếu sáng cho nên được lìa ngu si.

Chánh văn:

11. Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát có những sức oai thần lớn, nhiều lợi ích như thế, cho nên chúng sinh thường phải một lòng tưởng nhớ.

Nếu có người nữ, giả sử muốn cầu con trai, lễ lạy cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát, liền sinh con trai phước đức trí huệ; giả sử muốn cầu con gái, bèn sinh con gái có tướng xinh đẹp, vì trước đã trồng cội phước đức, mọi người đều kính mến.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát có sức thần như thế.

Giải thích:

Đây là do hòa đồng với thế gian khắp thời chư Phật làm Pháp Vương Tử, dùng đây để gia bị cho nên liền sinh con trai. Vì con trai có khả năng gánh vác công việc, làm Pháp Vương Tử để cán đảm sự việc, bởi hay lãnh thọ pháp môn của chư Phật khắp mười phương. Có đức con gái vì hay thuận theo lòng mong cầu của chúng sinh, nên liền được sinh con gái.

Chánh văn:

12. Nếu có chúng sinh cung kính lễ lạy Quán Thế Âm

Bồ-tát, thời phước đức chẳng lường mất. Cho nên chúng sinh đều phải thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát.

Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh tự của sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ-tát, lại trọn đời cúng dường đồ ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc thang. Ý ông nghĩ sao? Công đức của người thiện nam tử, thiện nữ nhân đó có nhiều chăng?

Vô Tận Ý thưa: “Bạch Thế Tôn! Rất nhiều”. Phật nói: “Nếu lại có người thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, nhẫn đến một thời lễ lạy cúng dường, thời phước của hai người đó bằng nhau không khác, trong trăm nghìn muôn ức kiếp không thể cùng tận.

Giảng giải:

Đây là công đức Vô úy thứ mười bốn. Cõi Ta-bà thế giới có sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ-tát dùng phương tiện lợi sinh. Nếu trì một danh hiệu của đức Quán Thế Âm thì cùng với thọ trì danh hiệu của sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ-tát kia đồng nhau, do vì ngài Quán Thế Âm Bồ-tát đã chứng được bình đẳng Pháp giới. Cho nên, trì một danh hiệu thì đồng với nhiều danh hiệu. Mười bốn loại vô úy này đều là sự thật, nếu dựa vào lý để giải thì chẳng hiển được thần lực cứu khổ của Đại sĩ vậy.

HT. Thích Trí Tịnh

Chánh văn:

13. Vô Tận Ý! Thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát đặng vô lượng vô biên phước đức lợi ích như thế.

Giải thích:

Đây là tổng kết thọ trì được công đức mười bốn vô úy như thế.

Chánh văn:

14. Ngài Vô Tận Ý Bồ-tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ-tát dạo đi trong cõi Ta-bà như thế nào? Nói pháp cho chúng sinh như thế nào? Sức phương tiện việc đó thế nào?”.

Giải thích:

Lời hỏi này là toan hiển bày công đức của ba mươi hai ứng thân. Trong kinh Lăng-nghiêm nói: “Do tôi cúng dường đức Quán Thế Âm Như Lai, nhờ đức Như Lai ấy dạy cho tôi Như huyễn văn huân, văn tu Kim Cang Tam-muội cùng với Phật Như Lai đồng một Từ lực, làm cho thân tôi thành tựu ba mươi hai tướng ứng thân vào trong các cõi nước”. Ban đầu từ nơi thân Phật, rồi sau đến thân người và không phải người gồm ba mươi hai ứng

thân. Đây chính là thuyết minh về “*chủng loại Câu sinh vô hành tác ý sinh thân*”.

Chánh văn:

15. Phật bảo Vô Tận Ý Bồ-tát: “Thiện nam tử! Nếu có chúng sinh trong quốc độ nào đáng dùng thân Phật đặng độ thoát, thời Quán Thế Âm Bồ-tát liền hiện thân Phật mà vì đó nói pháp”.

“Người đáng dùng thân Duyên giác đặng độ thoát, liền hiện thân Duyên giác mà vì đó nói pháp”.

“Người đáng dùng thân Thanh văn đặng độ thoát, liền hiện thân Thanh văn mà vì đó nói pháp”.

Giảng giải:

Đây là hiện thân Tứ Thánh, trong đây chẳng nói thân Bồ-tát, vì đã hiện thân Bồ-tát rồi (tức là do Bồ-tát mà hiện ra).

Chánh văn:

16. Người đáng dùng thân Phạm Vương đặng độ thoát, liền hiện thân Phạm Vương mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Đế Thích đặng độ thoát, liền hiện thân Đế Thích mà vì đó nói pháp.

HT. Thích Trí Tịnh

Người đáng dùng thân Tự Tại Thiên đặng độ thoát, liền hiện thân Tự Tại Thiên mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Đại Tự Tại Thiên đặng độ thoát, liền hiện thân Đại Tự Tại Thiên mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Thiên Đại Tướng Quân đặng độ thoát, liền hiện thân Thiên Đại Tướng Quân mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tỳ-sa-môn đặng độ thoát, liền hiện thân Tỳ-sa-môn mà vì đó nói pháp.

Giải thích:

Đây là nói hiện thân lục phạm, trước nói tổng chủ của Thiên đạo. Phạm Thiên là Thiên chủ cõi Sơ thiên, Đế Thích là Thiên chủ cõi Trời Đao-lợi. Tự Tại và Đại Tự Tại Thiên ở trên đánh cõi Trời Dục giới. Thiên Đại Tướng Quân thống lãnh quỷ thần, Tứ Thiên Vương thống lãnh thế giới. Tỳ-sa-môn Thiên Vương chủ trì ở phương Bắc. Phạm Vương và Đế Thích thường theo chúng của Phật. Ngoài ra, nêu tổng quát thống lãnh các chư Thiên thôi.

Chánh văn:

17. Người đáng dùng thân Tiểu vương đặng độ thoát, liền hiện thân Tiểu vương mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Trưởng giả đặng độ thoát, liền hiện thân Trưởng giả mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Cư sĩ đặng độ thoát, liền hiện thân Cư sĩ mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tế quan đặng độ thoát, liền hiện thân Tế quan mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Bà-la-môn đặng độ thoát, liền hiện thân Bà-la-môn mà vì đó nói pháp.

Giải thích:

Đây là hiện thân trong cõi người, từ vua quan nhĩn đến thứ dân. Trong phẩm Diệu Âm trước nêu Luân Vương, trong phẩm Diệu Âm ở trước đề cập đến Luân Vương. Nhưng Luân Vương có bốn hạng: Kim, Ngân, Đồng, Thiếc. Chỗ lãnh trị đó có tứ, tam, nhị, nhất thiên hạ theo thứ lớp. Cõi họ thống lãnh gọi là Túc Tán vương. Nay nói Tiểu vương đó là Túc Tán vậy (Túc Tán: túc là lúa, ý là khắp nơi đều có hết). Không nói Luân Vương vì nói lược, hay nói chung. Tiểu vương là cai trị đất nước. Trưởng giả là suy tôn là tộc tánh. Cư sĩ là người giữ danh tiết trong sạch. Tế quan cai trị ban áp. Bà-la-môn là hàng thuật sĩ, tướng số, tuân thủ

HT. Thích Trí Tịnh

một số nguyên tắc (chú thuật bói toán thuộc về bốn bộ Vệ Đà). Thật ra thì trăm công việc bốn hạng dân đều ở trong đây, chỉ nêu đại khái.

Chánh văn:

18. Người đáng dùng thân Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đặng độ thoát, liền hiện thân Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà vì đó nói pháp.

Giải thích:

Đây là hiện thân Tứ chúng.

Chánh văn:

19. Người đáng dùng thân phụ nữ của Trưởng giả, Cư sĩ, Tể quan, Bà-la-môn đặng độ thoát, liền hiện thân phụ nữ mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân đồng nam, đồng nữ đặng độ thoát, liền hiện thân đồng nam, đồng nữ mà vì đó nói pháp.

Giải thích:

Đây là hiện thân phụ nữ và đồng chân, tức là phụ nữ của Trưởng giả, Cư sĩ, Tể quan, Bà-la-môn

Chánh văn:

20. Người đáng dùng thân Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, nhân cùng phi nhân đặng độ thoát, liền đều hiện ra mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Cháp Kim Cang Thần đặng độ thoát, liền hiện Cháp Kim Cang Thần mà vì đó nói pháp

Giảng giải:

Đây là hiện thân Bát bộ. Thần Cháp Kim Cang là Thần cầm chày Cháp Kim Cang để hộ pháp.

Chánh văn:

21. Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát đó thành tựu công đức như thế, dùng các thân hình dạy đi trong các cõi nước để độ thoát chúng sinh, cho nên các ông phải một lòng cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát.

Quán Thế Âm Bồ-tát đó ở trong chỗ nạn gấp sợ sệt hay ban sự vô úy, cho nên cõi Ta-bà này đều gọi Ngài là vị "Thí Vô Úy".

Giảng giải:

Đây là kết của ba mươi hai ứng thân, dạy nên cúng dường. Trong Lục thú chỉ nói ba thiện đạo (Thiên, nhân và Thần), chẳng nói đến Tam đồ, vì ở nơi khổ thú chẳng phải nơi thuyết pháp. Tuy nhiên không phải không cứu, như hiện thân

HT. Thích Trí Tịnh

Tiêu Diện đại sĩ (ông Tiêu là Quý vương để nhiếp phục các loài quý đỏi), đó cũng là sự hiện thân, chỉ chẳng phân loại mà thôi.

Chánh văn:

22. Vô Tận Ý Bồ-tát bạch Phật: “Thế Tôn! Con nay phải cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát”. Liền mở chuỗi ngọc bằng các châu báu nơi cổ giá trị trăm nghìn lượng vàng, đem trao cho ngài Quán Thế Âm mà nói rằng: “Xin Ngài nhận chuỗi trân bảo pháp thí này”.

Giải thích:

Đây là ngài Vô Tận Ý cúng dường để làm biểu tượng cho việc nghe pháp được tăng tấn. Anh lạc là vật trang sức của Bồ-tát, cổ là chỗ đeo chuỗi, nay cởi ra để cúng dường ngài Quán Thế Âm Bồ-tát, do vì nghe pháp tùy theo cơ cảm của chúng sinh mà Bồ-tát ứng hiện khắp nơi. Ngô được diệu hạnh tùy duyên, liền xả nơi pháp ái, cho nên cởi chuỗi này để cúng dường gọi đó là pháp thí.

Chánh văn:

23. Khi ấy, Quán Thế Âm Bồ-tát chẳng chịu nhận chuỗi. Ngài Vô Tận Ý lại thưa cùng Quán Thế Âm Bồ-tát

rằng: “Xin Ngài vì thương chúng tôi mà nhận chuỗi ngọc này”.

Bấy giờ, Phật bảo Quán Thế Âm Bồ-tát: “Ông nên thương Vô Tận Ý Bồ-tát này và hàng Tứ chúng cùng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, nhân và phi nhân v.v... mà nhận chuỗi ngọc đó”.

Tức thời Quán Thế Âm Bồ-tát thương hàng Tứ chúng và Trời, Rồng, nhân, phi nhân v.v... mà nhận chuỗi ngọc đó chia làm hai phần: một phần dâng đức Thích-ca Mâu-ni Phật, một phần dâng tháp của Phật Đa Bảo.

Giải thích:

“*Quán Thế Âm Bồ-tát chẳng chịu nhận chuỗi*” biểu thị cho trong Pháp giới tánh vốn không có thọ và xả. “*Phật khuyên nên nhận*” biểu thị cho không xả một pháp nào. “*Dâng lên hai đức Thế Tôn*” tiêu biểu cho sự hồi hướng ba chỗ để bất đồng quả hải:

1. Hồi hướng Chân như thật tế.
2. Hồi hướng Vô Thượng Bồ-đề.
3. Hồi hướng Pháp giới chúng sinh.

Chánh văn:

24. Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát có sức thần tự
tại như thế, dạo đi nơi cõi Ta-bà?

Giảng giải:

Đây là đúc kết lại ý hỏi và đáp của ngài Vô
Tận Ý.

Chánh văn:

25. Lúc đó, ngài Vô Tận Ý Bồ-tát nói kệ hỏi Phật rằng:

Thế Tôn đủ tướng tốt!

Con nay lại hỏi kia

Phật tử nhân duyên gì

Tên là Quán Thế Âm!

Giảng giải:

Đây là ngài Vô Tận Ý lại dùng kệ để hỏi.

Chánh văn:

26. Đấng đầy đủ tướng tốt

Kệ đáp Vô Tận Ý:

Ông nghe hạnh Quán Âm

Khéo ứng các nơi chốn

Thệ rộng sâu như biển

Nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn

Hầu nhiều nghìn ức Phật
Phát nguyện thanh tịnh lớn.
Ta vì ông lược nói
Nghe tên cùng thấy thân
Tâm niệm chẳng luống qua
Hay diệt khổ các cõi.

Giảng giải:

Đoạn này đức Thế Tôn tổng thuật công đức của ngài Quán Thế Âm để trả lời. Do có thệ nguyện rộng sâu để độ những nỗi khổ của chúng sinh, vì dứt khổ mà có tên. Các cõi tức là hai mươi lăm cõi.

Chánh văn:

27. Giả sử sinh lòng hại
Xô rớt hầm lửa lớn
Do sức niệm Quán Âm
Hầm lửa biến thành ao.
Hoặc trôi dạt biển lớn
Các nạn quý, cá, rồng
Do sức niệm Quán Âm
Sóng mòi chẳng chìm đặng.

Giảng giải:

HT. Thích Trí Tịnh

Từ đây trở xuống là riêng tụng về sự cứu các nạn khổ. Đó là mười bốn công đức vô úy, chỉ lược nói các nạn tai nên văn cú chẳng có thứ lớp. Tám câu đầu tiên này nói về nạn Tam tai (thủy, hỏa, phong).

Chánh văn:

28. Hoặc ở chót Tu-di
Bị người xô rớt xuống
Do sức niệm Quán Âm
Như mặt nhật treo không.
Hoặc bị người dữ rượt
Rớt xuống núi Kim Cang
Do sức niệm Quán Âm
Chẳng tổn đến mảy lông.

Giải thích:

Đây là nói về hiểm nạn vậy.

Chánh văn:

29. Hoặc gặp oán tặc vây
Đều cầm dao làm hại
Do sức niệm Quán Âm
Đều liền sinh lòng lành.

Giảng giải:

Đây là tụng nạn oán tặc.

Chánh văn:

30. Hoặc bị khổ nạn vua

Khi hành hình sắp chết

Do sức niệm Quán Âm

Dao liền gãy từng đoạn.

Giảng giải:

Đây là tụng về nạn hình lục (tử tội).

Chánh văn:

31. Hoặc tù cầm xiềng xích

Tay chân bị gông cùm

Do sức niệm Quán Âm

Tháo rã đặng giải thoát.

Giảng giải:

Đây là tụng về nạn tù cầm trói buộc.

Chánh văn:

32. Nguyên rửa các thuốc độc

Muốn hại đến thân đó

HT. Thích Trí Tịnh

*Do sức niệm Quán Âm
Trở hại nơi bốn nhân.*

Giải thích:

Đây là tụng về nạn bùa chú và thuốc độc.

Chánh văn:

*33. Hoặc gặp La-sát dữ
Rồng độc các loài quý
Do sức niệm Quán Âm
Liên đều không dám hại.*

Giải thích:

Đây là tụng về nạn quỷ La-sát.

Chánh văn:

*34. Hoặc thú dữ vây quanh
Nanh vuốt nhọn đáng sợ
Do sức niệm Quán Âm
Vội vàng bỏ chạy ngay.
Rắn độc cùng bò cạp
Hơi độc khói lửa đốt
Do sức niệm Quán Âm
Theo tiếng tự bỏ đi.*

Giảng giải:

Đây là tụng nạn về trùng độc làm hại.

Chánh văn:

35. Mây sấm nổ sét đánh

Tuôn giá²⁶, xối mưa lớn

Do sức niệm Quán Âm

Liên đặng tiêu tan cả.

Giảng giải:

Đây là tụng nạn về tai biến. Từ đây trở lên là tụng về Bồ-tát đều là cứu nạn bên ngoài. Đoạn dưới là cứu nạn bên trong.

Chánh văn:

36. Chúng sinh bị khổ ách

Vô lượng khổ bức thân

Quán Âm sức trí diệu

Hay cứu khổ thế gian.

Giảng giải:

Đây là tụng nạn về nghiệp khổ dâm, nộ, si, đều ở bên trong của chúng sinh.

²⁶ Tuôn giá: mưa đá.

Chánh văn:

*37. Đầy đủ sức thần thông
Rộng tu trí phương tiện
Các cõi nước mười phương
Không cõi nào chẳng hiện
Các loài trong đường dữ:
Địa ngục, quý, súc sinh
Sinh, già, bệnh, chết, khổ
Lần đều khiến dứt hết.*

Giải thích:

Đây là tổng tụng về Bồ-tát hiện thân thuyết pháp. Trong văn Trường hàng không nói ác đạo, ở phần Trùng tụng mới nêu ra.

Chánh văn:

*38. Chân quán thanh tịnh quán
Trí huệ quán rộng lớn
Bi quán và từ quán
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.*

Giải thích:

Đây là tụng kết hiển bày nơi quán trí của Bồ-

tát. Trình bày Bồ-tát ứng theo vật quán chiếu có năm thứ:

1. Chân quán: nghĩa là quán chúng sinh vốn là Nhất chân Pháp giới, trọn không có tướng khác, gọi là “Chân quán”.

2. Chúng sinh tâm tánh bản lai thanh tịnh không có các tạp nhiễm, gọi là “Thanh tịnh quán”.

3. Do vì trí huệ chiếu phá các si ám, nên gọi là “Trí huệ quán”.

4. Không có điều khổ nào Bồ-tát không cứu, nên gọi là “Bi quán”.

5. Không có niềm vui nào Bồ-tát chẳng ban, nên gọi là “Từ quán”.

Bồ-tát dùng năm thứ quán này thường chiếu chúng sinh, nên tùy theo chỗ cảm mà ứng hiện. Thế nên, chúng sinh phải “*thường nguyện thường chiêm ngưỡng*”.

Chánh văn:

39. Sáng thanh tịnh không như

Huệ nhật phá các tối

Hay tiêu tai khỏi lửa

HT. Thích Trí Tịnh

Khắp soi sáng thế gian.

Giảng giải:

Đây là nói về công dụng của quán trí. Vô cấu thanh tịnh quang minh là nói về ba đức của Pháp thân: Vô cấu là Giải thoát đức, thanh tịnh là Pháp thân đức, quang minh là Bát-nhã đức. Đây là ba đức mà Bồ-tát đã chứng đắc. Đức dụng này chiếu khắp thế gian, cho nên như mặt trời trí huệ hay phá các tối tăm.

Tam tai là do mê nơi tánh đức mà biến động, nay ba đức đã viên mãn nên có thể điều phục được Tam tai (nước, lửa, gió) xa lìa được các nạn vậy. Do quán trí này khắp soi sáng thường chiếu ở thế gian, vậy nên biết rằng Bồ-tát chưa từng có một niệm xa rời chúng sinh.

Chánh văn:

40. Lòng bi răn như sấm

Ý từ diệu đường mây

Xối mưa pháp cam lồ

Dứt trừ lửa phiền não.

Giảng giải:

Đây là tụng cái biểu tượng ứng cơ thuyết pháp. Vì Bồ-tát đã chứng được Pháp thân, ba đức được đầy đủ, nhưng Pháp thân tịch diệt mà có thể ứng hiện thuyết pháp độ sinh là nhờ sức mạnh của Vô duyên từ bi (từ bi không có dụng công, chớ có duyên). Tuy nhiên, Pháp thân vô thể tánh nên lấy từ bi làm thể tánh. “*Giới*” là giáo giới từ nơi Pháp thân xuất phát, cho nên sắp thuyết pháp, trước dùng tiếng sấm sét để kích động tâm cơ của chúng sinh. Dùng từ ý mà hưng khởi mây pháp rộng lớn, sau đó mới rưới pháp vũ cam lồ, dùng đây để diệt trừ các phiền não của chúng sinh. Thế nên, trong kinh nói: “Chỗ duyên của Bồ-tát là duyên nổi khổ của chúng sinh”. Nếu không có từ bi thì chư Phật, Bồ-tát cũng chẳng xuất thế, cũng không có pháp gì để nói vậy.

Chánh văn:

41. Cãi kiện qua chỗ quan

Trong quân trận sợ sệt

Do sức niệm Quán Âm

Cừ oán đều lui tan.

Giải thích: